

Bản án số: 84/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 28/7/2026.
V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi dưỡng con chung.

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Về con chung: Tôi và ông Dũng có 03 người con chung là Nguyễn Lê Tố Như, sinh ngày 12/11/2015; Nguyễn Lê Phước Anh, sinh ngày 06/4/2012 và Nguyễn

Phước Vương, sinh năm 2003. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được nuôi 02 con chung Nguyễn Lê Tố Như và Nguyễn Lê Phước Anh và yêu cầu ông Nguyễn Đình Dũng cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Đối với con Nguyễn Phước Vương đã trưởng thành nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung.
- Về nợ chung: Tôi xác định không có.

*** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Đình Dũng trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi thống nhất như lời trình bày của bà Lê Thị Bằng về thời gian, điều kiện kết hôn. Hôn nhân giữa tôi và bà Bằng là hoàn toàn tự nguyện. Tôi là cán bộ công nhân quốc phòng, cụm kho CK54 đóng quân tại xã Trà Đa, Pleiku, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã Trà Đa, Pleiku, Gia Lai một thời gian. Đến năm 2008, tôi được chuyển về đơn vị xưởng 38 Cục kỹ thuật quân khu 5 đóng ở Hòa Cầm, Cẩm Lệ, Đà Nẵng, vợ chồng chúng tôi bán hết tài sản và chuyển về sống tại tổ 11 Thôn La Bông, phường Hòa Tiến, thành phố Đà Nẵng từ đó đến nay. Ngày 01/01/2026 tôi đã hoàn thành nhiệm vụ và nghỉ hưu tại địa phương. Từ khi cưới nhau đến nay, toàn bộ tiền lương, phụ cấp và các khoản thưởng tôi đều đưa hết cho vợ để quản lý lo các con, làm ăn buôn bán. Mặc dù thời gian sống xa nhà là chủ yếu nhưng vào ngày nghỉ, bản thân tôi luôn làm tròn trách nhiệm của một người chồng, người cha. Tôi không rõ lý do gì vợ tôi nộp đơn ly hôn. Còn bản thân tôi vẫn luôn yêu thương vợ, con, nên tôi không đồng ý ly hôn với bà Bằng.

- Về con chung: Tôi và bà Bằng có 03 người con chung là Nguyễn Lê Tố Như, sinh ngày 12/11/2015; Nguyễn Lê Phước Anh, sinh ngày 06/4/2012 và Nguyễn Phước Vương, sinh năm 2003. Nếu phải ly hôn, tôi có nguyện vọng được nuôi 02 con chung Nguyễn Lê Tố Như và Nguyễn Lê Phước Anh. Đối với con Nguyễn Phước Vương đã trưởng thành nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Tôi xác định không có.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng những quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bằng. Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Tuyên xử: Cho bà Lê Thị Bằng được ly hôn ông Nguyễn Đình Dũng. Giao con chung là Nguyễn Lê Tố Như và Nguyễn Lê Phước Anh cho bà Lê Thị Bằng trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Đình Dũng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng/tháng/con cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Về án phí HNGĐST: Bà Lê Thị Thủy Lê phải chịu theo quy định của pháp luật, ông Nguyễn Đình Dũng phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị Bằng khởi kiện ông Nguyễn Đình Dũng về việc “*Ly hôn và tranh chấp nuôi dưỡng con chung*”, bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại tổ 11 Thôn La Bông, xã Hòa Tiến, thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, tranh chấp về hôn nhân gia đình này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bằng và ông Dũng kết hôn vào năm 2002 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trà Đa, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện phù hợp với quy định pháp luật nên được công nhận và bảo vệ. Bà Bằng xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình. Nay, bà Bằng xác định không còn tình cảm với ông Quốc nên đề nghị Tòa án cho ly hôn. Ông Bằng xác định bản thân vẫn luôn yêu thương vợ con nên đề nghị HĐXX cho đoàn tụ để tạo điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung. HĐXX xét thấy: Tại phiên tòa, ông Dũng thừa nhận đã áp dụng nhiều biện pháp để hòa giải đoàn tụ nhưng bà Bằng vẫn cương quyết ly hôn. Tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn tại địa phương kết quả thể hiện: “*Vợ chồng ông Dũng, bà Bằng thường xuyên cãi nhau nhưng địa phương chưa can thiệp được*”. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích cuộc hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của bà Lê Thị Bằng đối với ông Nguyễn Đình Dũng.

[2.2] Về con chung: Tại phiên tòa, bà Lê Thị Bằng và ông Nguyễn Đình Dũng thống nhất thỏa thuận: Giao con chung là Nguyễn Lê Tố Như và Nguyễn Lê Phước Anh cho bà Lê Thị Bằng trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Đình Dũng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng/tháng/con cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. HĐXX xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật nên ghi nhận sự thỏa thuận về quan hệ con chung giữa ông Dũng và bà Bằng.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Bằng và ông Nguyễn Đình Dũng không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đề cập.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Lê Thị Bằng phải chịu theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Đình Dũng phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 118 Luật Hôn nhân gia đình, Điều 147, 227, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bằng đối với ông Nguyễn Đình Dũng về việc *"Ly hôn và tranh chấp nuôi dưỡng con chung"*.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Bằng được ly hôn với ông Nguyễn Đình Dũng.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Nguyễn Lê Tố Như, sinh ngày 12/11/2015 và Nguyễn Lê Phước Anh, sinh ngày 06/4/2012 cho bà Lê Thị Bằng trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Đình Dũng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng/tháng/con cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Bằng và ông Nguyễn Đình Dũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí HNGĐ-ST là: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Lê Thị Bằng phải chịu theo quy định của pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004974 ngày 13/5/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Lê Thị Bằng đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Buộc ông Nguyễn Đình Dũng phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 4;
- Phòng THADS Khu vực 4;
- UBND xã Bà Nà;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phú Đạt



Nơi nhận:

-
-
-

THẨM PHÁN

Phạm Phú Đạt

